

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2016

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

MỤC LỤC

Nội dung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,440,868,955,661	4,093,457,988,546
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	116,923,106,671	1,151,036,779,095
1. Tiền	111		108,873,106,671	120,536,779,095
2. Các khoản tương đương tiền	112		8,050,000,000	1,030,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,938,613,805,042	1,908,782,914,101
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4a	3,949,527,404	3,953,207,644
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(335,722,362)	(268,293,543)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4b	1,935,000,000,000	1,905,098,000,000
III. Các khoản phải thu	130		2,182,889,938,340	893,540,890,433
1. Phải thu khách hàng	131	2	338,154,428,896	239,150,094,374
2. Trả trước cho người bán	132		229,533,624,687	78,210,591,658
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	8,000,000,000	8,000,000,000
3. Các khoản phải thu khác	136	5	1,618,486,495,698	591,097,167,264
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(11,338,633,421)	(22,916,962,863)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	6	54,022,480	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	142,269,410,496	94,935,620,376
1. Hàng tồn kho	141		142,269,410,496	95,435,479,673
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(499,859,297)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60,172,695,112	45,161,784,541
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3	15,009,984,150	7,682,949,541
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44,423,971,972	36,547,776,266
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		738,738,990	931,058,734

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,698,992,550,455	2,630,651,053,841
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28,737,140,163	27,173,813,506
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		19,604,707,562	19,604,707,562
2. Phải thu dài hạn khác	216		9,132,432,601	7,569,105,944
II. Tài sản cố định	220		772,913,154,445	662,259,512,810
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	376,366,438,295	260,223,477,234
- Nguyên giá	222		587,674,724,070	434,244,877,646
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(211,308,285,775)	(174,021,400,412)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	396,546,716,150	402,036,035,576
- Nguyên giá	228		440,277,577,534	439,243,824,854
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(43,730,861,384)	(37,207,789,278)
III. Tài sản dở dang dài hạn (240 = 241 + 242)	240	11	165,408,672,004	86,912,543,211
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		165,408,672,004	86,912,543,211
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,602,383,416,144	1,740,600,933,084
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4c	1,602,383,416,144	1,736,233,933,084
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4d	-	4,367,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		129,550,167,699	113,704,251,230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3	81,210,533,743	83,911,151,926
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		48,339,633,956	29,793,099,304
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7,139,861,506,116	6,724,109,042,387

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1,167,249,000,347	1,358,536,776,057
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 319 + 320 + 323)	310		945,334,564,764	1,302,221,009,501
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	126,624,282,075	148,144,817,026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,081,063,520	4,272,596,174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	295,393,635,545	862,351,636,378
4. Phải trả người lao động	314		16,648,649,401	28,315,019,674
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	194,013,512,217	100,106,352,319
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	1,373,484,853	742,424,242
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	13,754,441,396	16,419,606,267
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	289,257,115,917	116,390,507,109
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,188,379,840	25,478,050,312
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 338 + 339)	330		221,914,435,583	56,315,766,556
1. Phải trả dài hạn khác	337		15,063,636,066	10,190,291,846
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		197,685,646,323	36,500,000,000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		9,165,153,194	9,625,474,710
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5,972,612,505,769	5,365,572,266,330
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		5,972,612,505,769	5,365,572,266,330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,192,083,261,700	3,192,083,261,700
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1,959,484,318,538)	(1,958,652,945,062)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		51,162,916,267	51,162,916,267
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15,909,752,661	15,909,752,661
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,006,864,575,093	1,398,947,279,604
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		99,542,348,586	99,588,031,160
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		7,139,861,506,116	6,724,109,042,387

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TP. HCM, Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Tổng Giám Đốc

Trần Lệ Nguyên



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý III năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	467,280,349,049	529,459,881,653	1,456,130,820,523	2,772,446,224,297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2	3,347,108,248	11,712,184,952	10,795,681,041	80,757,168,155
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		463,933,240,801	517,747,696,701	1,445,335,139,482	2,691,689,056,142
4. Giá vốn hàng bán	11	3	238,916,885,391	312,261,872,488	720,354,786,345	1,641,246,080,042
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		225,016,355,410	205,485,824,213	724,980,353,137	1,050,442,976,100
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	1,252,292,020,311	75,123,707,761	1,317,228,961,074	6,608,366,527,762
7. Chi phí tài chính	22	5	50,784,682,157	8,957,299,494	63,866,466,406	59,208,795,679
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,633,693,082	2,826,647,288	20,230,438,960	20,882,895,953
Lợi nhuận từ công ty liên kết	24		34,822,129,655	64,879,114,568	76,205,286,230	71,609,903,645
8. Chi phí bán hàng	25	8b	262,174,449,980	198,389,929,688	608,161,035,060	768,972,506,766
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8a	66,422,597,659	42,901,342,304	176,853,960,694	304,608,491,636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,132,748,775,580	95,240,075,056	1,269,533,138,281	6,597,629,613,426
11. Thu nhập khác	31	6	2,765,944,398	11,184,461,009	39,034,051,822	25,730,755,509
12. Chi phí khác	32	7	7,676,673,439	13,049,194,882	10,478,876,746	23,789,007,465
13. Lợi nhuận khác	40		(4,910,729,041)	(1,864,733,873)	28,555,175,076	1,941,748,044
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,127,838,046,539	93,375,341,183	1,298,088,313,357	6,599,571,361,470
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	269,827,740,689	10,346,448,958	305,481,589,982	1,464,923,535,882
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(10,468,507,151)	2,885,829,163	(16,676,534,652)	(7,698,509,233)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		868,478,813,001	80,143,063,062	1,009,283,258,027	5,142,346,334,821
Phân bổ cho:						
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(1,742,884)	(22,096,605)	(25,311,014)	(179,085,361)
Cổ đông của công ty mẹ	62		868,480,555,885	80,165,159,667	1,009,308,569,041	5,142,525,420,182

Người lập

Kế Toán Trưởng

TP. HCM, Ngày 27 tháng 09 năm 2016

Tổng Giám Đốc

Trần Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Oanh



Trần Lệ Nguyễn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		1,298,088,313,357	6,682,302,151,470
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		44,913,085,233	174,976,445,311
- Các khoản dự phòng	3		(12,525,103,916)	12,072,052,844
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(2,618,539)	(226,608,917)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(1,483,950,831,772)	(6,800,099,171,435)
- Chi phí lãi vay	6		3,852,304,123	21,787,939,086
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	-	(149,624,851,514)	90,812,808,359
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	9		(245,410,228,660)	(271,186,392,163)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		(46,833,930,823)	31,715,749,858
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		168,443,103,850	127,127,690,448
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		(4,626,416,426)	2,848,141,549
- (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(3,944,908,501)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,942,437,349)	(23,078,866,372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(886,337,278,271)	(581,862,133,219)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(20,341,170,472)	(27,085,699,862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	(1,188,673,209,665)	(654,653,609,903)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(235,013,861,442)	(226,856,370,191)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35,408,626	13,361,223,668
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70,000,000,000)	(1,935,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,000,000,000	730,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(982,401,017,480)	(93,020,570,683)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,561,802,991,893	7,299,890,797,742
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20,359,981,751	177,726,288,982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	314,783,503,348	5,966,101,369,518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(831,373,476)	(1,322,183,110,162)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1,000,547,092,148	1,783,168,184,628
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(666,494,837,017)	(2,153,596,169,230)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(493,447,466,300)	(4,935,141,036,289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(160,226,584,645)	(6,627,752,131,053)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1,034,116,290,962)	(1,316,304,371,438)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,151,036,779,095	2,467,177,548,607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,618,538	163,601,926
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		116,923,106,671	1,151,036,779,095

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

TP. HCM, Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám Đốc



Trần Lệ Nguyễn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý III năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

KDC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh:

Ngày:

Số 4103001184	
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Số 0302705302	
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	1 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 03 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	02 tháng 03 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	21 tháng 3 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	2 tháng 4 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười tám	18 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười chín	26 tháng 02 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi	06 tháng 07 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi một	28 tháng 09 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi hai	01 tháng 10 năm 2015

KDC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của KDC là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 138-142 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Cơ cấu tổ chức

Các công ty con

· Công ty TNHH MTV KIDO (“KIDO”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong KIDO, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 80% vốn điều lệ trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội (“HTIC”)

KDC sở hữu 75.73% vốn chủ sở hữu trong HTIC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. HTIC có trụ sở đăng ký tại số 534 – 536, Phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO (“KDT”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KDT, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 3 năm 2015. KDT có trụ sở đăng ký tại Lầu 11, Tòa nhà Empress, số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Thực Phẩm Kido (“KDF”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KDF, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sở hữu bởi KIDO được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. KDF có trụ sở đăng ký tại Lầu 10, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty liên doanh đồng kiểm soát

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 3, Tòa nhà May Flower, 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên kết

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (“Vocarimex”)

KDC sở hữu 24% vốn chủ sở hữu trong Vocarimex, trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp, (nay là Bộ Công thương), cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.

Vocarimex có trụ sở đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Lợi thế quyền thuê đất	55 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán đầu tư dài hạn không giao dịch trên thị trường thì căn cứ vào số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty phát hành các chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính cùng kỳ.

Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ một năm một phần hai tháng lương và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn cổ phần) được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu (bằng số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với Doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp này được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các niên độ kế toán trước và sau.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
1. Tiền		
- Tiền mặt	1,388,089,180	1,414,888,014
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	107,485,087,491	119,121,891,081
- Tương đương tiền	<u>8,050,000,000</u>	<u>1,030,500,000,000</u>
Cộng	<u><u>116,923,176,671</u></u>	<u><u>1,151,036,779,095</u></u>
2. Phải thu của khách hàng	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
- Công ty TNHH Đạt Toàn Phú	109,133,619,792	115,760,235,352
- Công ty TNHH Đạt Toàn Phát	179,545,220,807	90,194,488,110
- Các khoản phải thu khách hàng khác	<u>49,475,588,296</u>	<u>33,195,370,912</u>
Cộng	<u><u>338,154,428,896</u></u>	<u><u>239,150,094,374</u></u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty TNHH Tân An Phước	-	5,555,000
- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn	-	13,237,762,029
- Công ty Cổ Phần Địa Ốc Kinh Đô	<u>1,134,640,757</u>	-
Cộng	<u><u>1,134,640,757</u></u>	<u><u>13,243,317,029</u></u>
3. Chi phí trả trước:	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
- Dịch vụ mua ngoài	<u>15,009,984,150</u>	<u>7,682,949,541</u>
Cộng	<u><u>15,009,984,150</u></u>	<u><u>7,682,949,541</u></u>
b) Dài hạn	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền thuê đất	61,328,252,222	59,697,963,166
- Sửa chữa văn phòng	2,492,678,891	20,599,004,714
- Khác	<u>17,389,602,631</u>	<u>3,614,184,046</u>
Cộng	<u><u>81,210,533,743</u></u>	<u><u>83,911,151,926</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

4. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
- Tổng giá trị cổ phiếu:						
Công ty Cổ phần Hóa An	140,772	63,900	(76,871)	140,772	26,400	(114,372)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	89,634	51,500	(38,134)	89,634	75,499	(14,135)
Ngân hàng Á Châu	3,837,667	1,299,300	(2,538,367)	3,837,667	931,651	(2,906,016)
Công ty Cổ Phần Sông Đà 9	546,562	177,572	(368,990)	3,478,263	1,202,000	(2,276,263)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	0	0	-	309,177	170,300	(138,877)
Công ty Cổ phần Vincom	4,269	91,400	-	53,350	906,300	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0	-	390,279	246,400	(143,879)
Công ty CP Chứng Khoán TP. HCM	1,802,700,000	1,470,000,000	(332,700,000)	1,802,700,000	1,802,700,000	(262,700,000)
Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen	396,594,000	396,594,000	-	396,594,000	396,594,000	-
Công ty CP Tập Đoàn Hoà Phát	1,745,614,500	1,745,614,500	-	1,745,614,500	1,745,614,500	-
Cộng	3,949,527,404	3,613,892,172	(335,722,362)	3,953,207,643	3,948,467,050	(268,293,543)
- Tổng giá trị trái phiếu:						
Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh	-	-	-	98,000,000	98,000,000	-
Cộng	-	-	-	98,000,000	98,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****Ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn	1,935,000,000,000	1,905,000,000,000

	<u>Cuối kỳ</u>			<u>Đầu năm</u>			
c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Lavenue	50	1,059,004,924,256	1,059,004,924,256	-	1,041,034,233,887	1,041,034,233,887	-
- Tổng C.ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	24	543,378,491,888	543,378,491,888	-	481,798,294,599	481,798,294,599	-
- Công Ty CP Mondelez Kinh Đô Việt Nam	20	-	-	-	213,401,404,599	213,401,404,599	-
Cộng		1,602,383,416,144	1,602,383,416,144	-	1,736,233,933,084	1,736,233,933,084	-

d) Đầu tư vào đơn vị khác;

- Công ty Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	-	-	4,367,000,000	8,640,000,000
--	---	---	---------------	---------------

5. Phải thu khác

	<u>cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
* Ngắn hạn				
- Phải thu người lao động;	11,214,468,304	-	339,417,139	-
- Ký cược, ký quỹ;	2,380,394,399	-	484,421,103	-
- Các khoản chi hộ;	279,387,616	-	3,268,718,089	-
- Tạm ứng đầu tư	1,507,187,872,037	-	536,436,407,211	-
- Phải thu khác.	97,424,373,342	-	50,568,203,722	-
Cộng	1,618,486,495,698	-	591,097,167,264	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**6. Tài sản thiếu chờ xử lý (Chi tiết từng loại tài sản thiếu)**

b) Hàng tồn kho;

7. Hàng tồn kho:

- Hàng đang di trên đường;

- Nguyên liệu, vật liệu;

- Công cụ, dụng cụ;

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;

- Thành phẩm;

- Hàng hóa;

Cộng

Cuối kỳ		Đầu năm	
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
-	-	-	-
Cuối kỳ		Đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
747,106,462	-	2,138,167,962	-
78,326,475,689	-	34,045,311,297	-
20,652,287,355	-	20,524,083,515	-
-	-	-	-
36,513,729,181	-	28,065,993,519	(499,859,297)
6,029,811,809	-	10,661,923,380	-
142,269,410,496	-	95,435,479,673	(499,859,297)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	73,900,290,879	237,197,706,733	100,013,680,700	23,133,199,334	434,244,877,646
- Mua trong năm	1,227,724,726	2,519,798,830	10,919,033,405	840,398,172	15,506,955,133
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12,469,582,732	107,862,233,559	15,139,304,901	4,280,644,200	139,751,765,392
- Tăng khác	225,259,444	-	-	-	225,259,444
- Giảm khác	-	-	(520,569,205)	-	(520,569,205)
Số dư cuối năm	<u>87,822,857,781</u>	<u>346,667,007,085</u>	<u>124,930,617,498</u>	<u>28,254,241,706</u>	<u>587,674,724,070</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(18,628,745,248)	(100,408,180,625)	(40,791,965,675)	(14,192,508,864)	(174,021,400,412)
- Khấu hao trong năm	(3,505,102,726)	(21,699,587,569)	(10,857,887,176)	(2,327,435,654)	(38,390,013,126)
- Thanh lý, nhượng bán	-	264,617,408	838,510,355	-	1,103,127,763
Số dư cuối năm	<u>(22,133,847,974)</u>	<u>(121,843,150,786)</u>	<u>(50,811,342,496)</u>	<u>(16,519,944,518)</u>	<u>(211,308,285,775)</u>
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	<u>55,271,545,631</u>	<u>136,789,526,108</u>	<u>59,221,715,025</u>	<u>8,940,690,470</u>	<u>260,223,477,234</u>
- Tại ngày cuối kỳ	<u>65,689,009,807</u>	<u>224,823,856,299</u>	<u>74,119,275,002</u>	<u>11,734,297,188</u>	<u>376,366,438,295</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Thương hiệu	TSCĐ vô hình khác	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	350,000,648,050	50,063,419,682	16,591,966,348	-	-	22,587,790,774	439,243,824,854
- Mua trong năm	-	1,033,752,680	-	-	-	-	1,033,752,680
Số dư cuối năm	350,000,648,050	51,097,172,362	16,591,966,348	-	-	22,587,790,774	440,277,577,534
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	(148,130,847)	(21,704,990,641)	(8,295,983,174)	-	-	(7,058,684,616)	(37,207,789,278)
- Khấu hao trong năm	-	(4,219,871,936)	(1,244,397,477)	-	-	(1,058,802,693)	(6,523,072,106)
Số dư cuối năm	(148,130,847)	(25,924,862,577)	(9,540,380,651)	-	-	(8,117,487,309)	(43,730,861,384)
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	349,852,517,203	28,358,429,041	8,295,983,174	-	-	15,529,106,158	402,036,035,576
- Tại ngày cuối kỳ	349,852,517,203	25,172,309,785	7,051,585,697	-	-	14,470,303,465	396,546,716,150

9. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Phí triển khai phần mềm	410,570,860	-
- XDCB;	162,140,235,624	58,982,459,761
- Mua sắm	2,857,865,520	26,927,666,141
- Khác	-	1,002,417,309
Cộng	165,408,672,004	86,912,543,211

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**10. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả:				
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	12,490,372,576	12,490,372,576	11,627,814,504	11,627,814,504
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	5,541,431,132	5,541,431,132	6,886,916,908	6,886,916,908
- Phải trả cho các đối tượng khác	108,592,478,367	108,592,478,367	129,630,085,614	129,630,085,614
Cộng	126,624,282,075	126,624,282,075	148,144,817,026	148,144,817,026
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				
- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn	-	-	90,721,430	90,721,430
- Tổng công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	12,490,372,576	12,490,372,576	11,627,814,504	11,627,814,504
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	5,541,431,132	5,541,431,132	8,923,171,195	8,923,171,195

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
Chi tiết theo từng loại thuế				
- Thuế GTGT	2,958,016,360	32,746,866,612	33,437,330,770	2,267,552,202
- Thuế TNDN	857,214,406,252	314,636,591,467	886,337,278,271	285,513,719,448
- Thu TNCN	1,615,225,294	28,022,090,031	23,021,753,625	6,615,561,700
- Thuế khác	563,988,472	1,213,858,671	781,044,948	996,802,195
Cộng	862,351,636,378	376,619,406,781	943,577,407,614	295,393,635,545

b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)

- Thuế GTGT				
- Thuế TNDN	422,644,159	422,644,159	676,663,740	676,663,740
- Thuế khác	508,414,575	446,339,325	-	62,075,250
Cộng	931,058,734	868,983,484	676,663,740	738,738,990

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

12. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí lương T13	31,078,047,829	9,023,620,580
- Chi phí tiếp thị, quảng cáo	85,982,024,490	45,459,106,714
- Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, thưởng	47,285,450,473	-
- Chi phí vận chuyển	1,359,154,805	759,827,047
- Chi phí khác	27,644,273,890	9,942,682,430
- Chi phí dịch vụ tiện ích phải trả	664,560,730	327,115,548
- Thuế và phí chuyển quyền sử dụng đất	-	34,594,000,000
Cộng	194,013,512,217	100,106,352,319

13. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	30,418,101	-
- Kinh phí công đoàn;	1,300,634,651	1,209,712,679
- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội;	1,341,105,813	1,083,072,301
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	7,218,796	35,420,324
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	5,655,321,850	5,516,049,750
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	5,419,742,185	8,575,351,213
Cộng	13,754,441,396	16,419,606,267

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

14. Vay và nợ thuê tài chính

Chi tiêu	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam- CN- HCM	39,841,418,456	39,841,418,456	39,841,418,456	10,588,647,960	10,588,647,960	10,588,647,960
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	77,067,289,218	77,067,289,218	92,572,766,554	19,997,205,016	4,491,727,680	4,491,727,680
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon	-	-	109,570,000,000	109,570,000,000	-	-
Ngân hàng Quân Đội	118,964,097,738	118,964,097,738	164,992,914,016	108,663,985,311	62,635,169,033	62,635,169,033
Ngân hàng Chinatrust	29,747,601,958	29,747,601,958	29,747,601,958	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	23,636,708,547	23,636,708,547	233,955,319,874	248,993,573,763	38,674,962,436	38,674,962,436
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. Hồ Chí Minh	-	-	110,000,000,000	110,000,000,000	-	-
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng Chinatrust	29,200,000,000	29,200,000,000	-	7,300,000,000	36,500,000,000	36,500,000,000
Ngân hàng Quân Đội	168,485,646,323	168,485,646,323	168,485,646,323	-	-	-
Cộng	486,942,762,240	486,942,762,240	949,165,667,181	615,113,412,050	152,890,507,109	152,890,507,109

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	2,566,533,970,000	3,274,294,092,589	15,909,752,661	1,084,534,422,015	(805,826,191,900)	51,162,916,267	6,186,608,961,632
- Lãi trong năm trước	-	-	-	5,269,944,960,501	-	-	5,269,944,960,501
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(1,152,826,753,162)	-	(1,152,826,753,162)
- Cổ tức đã trả	-	-	-	(4,938,383,961,000)	-	-	(4,938,383,961,000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	(6,285,141,912)	-	-	(6,285,141,912)
- Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(10,862,000,000)	-	-	(10,862,000,000)
- Giảm khác	-	(82,210,830,889)	-	-	-	-	(82,210,830,889)
Số dư đầu năm nay	2,566,533,970,000	3,192,083,261,700	15,909,752,661	1,398,948,279,604	(1,958,652,945,062)	51,162,916,267	5,265,985,235,170
- Lãi trong năm nay	-	-	-	1,009,283,258,027	-	-	1,009,283,258,027
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(831,373,476)	-	(831,373,476)
- Cổ tức đã trả	-	-	-	(493,586,738,400)	-	-	(493,586,738,400)
- Thanh lý các công ty con	-	-	-	98,056,696,556	-	-	98,056,696,556
- Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(51,500,000)	-	-	(51,500,000)
- Khác	-	-	-	(5,785,420,694)	-	-	(5,785,420,694)
Số dư cuối kỳ	2,566,533,970,000	3,192,083,261,700	15,909,752,661	2,006,864,575,093	(1,959,484,318,538)	51,162,916,267	5,873,070,157,183

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu

- Doanh thu bán hàng;

Cộng

Năm nay	Năm trước
467,280,349,049	529,459,881,653
467,280,349,049	529,459,881,653

b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).

- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn

- 10,866,480,811

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong đó:

- Chiết khấu thương mại;

- Giảm giá hàng bán;

- Hàng bán bị trả lại.

Cộng

Năm nay	Năm trước
746,390,458	11,131,760,465
1,625,365	-
2,599,092,425	580,424,487
3,347,108,248	11,712,184,952

3. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa đã bán;

- Giá vốn của thành phẩm đã bán;

Cộng

Năm nay	Năm trước
78,632,727,505	164,820,396,141
160,284,157,886	147,441,476,347
238,916,885,391	312,261,872,488

4. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Lãi chênh lệch tỷ giá;

- Doanh thu hoạt động tài chính khác.

Cộng

Năm nay	Năm trước
26,038,344,401	74,178,995,232
161,327,114	-
84,594,959	27,449,307
1,226,007,753,837	917,263,222
1,252,292,020,311	75,123,707,761

5. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay;

- Lỗ chênh lệch tỷ giá;

- Chi phí tài chính khác;

Cộng

Năm nay	Năm trước
10,985,540,825	2,845,587,715
2,401,515,849	1,116,054,298
37,397,625,483	4,995,657,481
50,784,682,157	8,957,299,494

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**6. Thu nhập khác**

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Tiền phạt thu được;
- Các khoản khác.

Cộng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	634,160,455	2,000,000,000
	-	-
	2,131,783,943	9,184,461,009
	2,765,944,398	11,184,461,009

7. Chi phí khác

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Các khoản khác.

Cộng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	911,245,550	2,420,933,085
	6,765,427,889	10,628,261,797
	7,676,673,439	13,049,194,882

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng
- Chi phí nhân công
- Khấu hao TSCĐ
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí bán hàng khác.

Cộng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	36,099,517,750	40,134,272,448
	12,717,552,810	20,499,672,265
	1,936,142,674	4,494,833,823
	149,410,165,955	119,200,323,522
	62,011,070,791	14,060,827,629
	262,174,449,980	198,389,929,688

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN
- Chi phí nhân công
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khấu hao
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Các khoản chi phí quản lý khác.

	28,473,822,181	25,809,180,995
	23,482,843,115	12,749,070,860
	4,720,035,268	341,160,272
	360,190,052	116,493,627
	9,385,707,043	3,885,436,550
	66,422,597,659	42,901,342,304

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THÔNG TIN BỘ PHẬN****Doanh thu bộ phận**

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến nông sản, thực phẩm, nước tinh khiết và các sản phẩm từ sữa. Tập đoàn xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, Tập đoàn quản lý hoạt động kinh doanh theo khu vực địa lý dựa trên đặc điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn bao gồm miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

Bộ phận theo khu vực địa lý

	<i>Khu vực miền Nam</i>	<i>Khu vực miền Bắc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1,201,242,041,541	254,888,778,982	1,456,130,820,523
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(10,795,681,041)	(10,795,681,041)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	251,335,834,092	67,272,727	251,403,106,819
	1,452,577,875,633	244,160,370,668	1,696,738,246,301
<i>Đổi chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(251,403,106,819)
Doanh thu trong năm			1,445,335,139,482
Lợi nhuận bộ phận	1,053,815,151,330	(59,584,696,879)	994,230,454,451
<i>Đổi chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			26,038,344,401
Chi phí lãi vay			(10,985,540,825)
Chi phí khấu trừ lợi thế thương mại			-
			-
Lợi nhuận kế toán trước thuế			1,009,283,258,027
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	44,913,085,232	201,950,481	45,115,035,713
Dự phòng phải thu khó đòi	(11,338,633,421)	-	(11,338,633,421)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
			-
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016			
Tài sản bộ phận	6,834,007,464,433	305,854,041,683	7,139,861,506,116
Nợ phải trả bộ phận	1,166,342,315,122	906,685,226	1,167,249,000,347

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>Quý 3/2016</i>
Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(23,141,631,400)
		Phí gia công	(88,000,000)
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(6,450,740,462)
		Phí gia công	(226,020,939)
- Công ty Cổ Phần Địa Ốc Kinh đô	Công ty liên quan	Phí thuê văn phòng	575,378,788

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- Công ty Cổ Phần Địa Ốc Kinh đô	Công ty liên quan	Phí thuê văn phòng	<u>1,134,640,757</u>
			<u><u>1,134,640,757</u></u>

Phải trả người bán ngắn hạn

- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	(12,490,372,576)
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(5,541,431,132)
			<u>(18,031,803,708)</u>

Người lập

Kế Toán Trưởng

TP. HCM, Ngày 18 tháng Chấm 2016

Tổng Giám Đốc

Trần Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Oanh

Trần Lệ Nguyễn

